TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10-10-2019
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Mạnh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Công và Ông Hồ Văn Kế

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở TAND huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 37 ngày 25/9/2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị S, sinh năm 1960 – Có mặt

Nơi cư trú: Xóm S, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- *Bị đơn:* Ông Trần Quốc K, sinh năm 1965 – Có mặt

Quê quán: Xã N, huyện N, tỉnh T

Chỗ ở hiện nay: Xóm S, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị S trình bày: Bà Hồ Thị S và ông Trần Quốc K quen biết và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm tháng 10/1998; tại xóm 6, xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Bà và ông K không đăng ký kết hôn vì ông K không muốn về địa phương lấy giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để đăng ký kết hôn với bà. Bà cũng đồng ý chung sống không đăng ký kết hôn với ông K vì ông K nói không cần đăng ký kết hôn, hai người vẫn chung sống bình thường. Đến tháng 9/2001, bà và ông K mâu thuẫn nên ông K bỏ đi đến giữa năm 2008 thì quay về tiếp tục chung sống với bà. Tháng 4/2009, ông K đi xuất khẩu lao động tại nước Nga đến tháng 3/2014 trở về nước tiếp tục chung sống với nhau. Tháng 01/2015, ông K sang nước Lào làm ăn đến ngày 21/7/2015 (âm lịch) thì quay về chung sống với

nhau. Từ năm 2016 đến nay, bà và ông K vẫn chung sống cùng nhà tại xóm 6, xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Lưu nhưng không phát sinh quan hệ tình cảm. Nay bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Trần Quốc K.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Trần Thị S và ông Trần Quốc K có 01 con chung là Trần Thiên L, sinh ngày 22/6/2000. Hiện nay cháu L đã thành niên, tự lập trong cuộc sống nên bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Hồ Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trần Quốc K trình bày:* Trước đây, ông có quan hệ hôn nhân với bà Trần Thị Cúc, trú tại Khối Ba Hà, thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An nhưng sau đó đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An (theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 07 ngày 28/4/1997 của TAND huyện Nam Đàn). Sau khi ly hôn với bà Cúc, ông quen biết với bà S và hai người chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998, tại xóm 6, xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Lưu cho đến nay mà không đăng ký kết hôn. Nay bà S yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Trần Thị S và có 01 con chung là Trần Thiên L, sinh ngày 22/6/200. Hiện nay cháu L đã đủ 18 tuổi thành niên, tự lập trong cuộc sống nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Trần Quốc K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 34 Điều 36, Điều 39 và Điều 146, 147, 205 của BLTTDS; Điều 9, 14, 15, 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị S.

Về tình cảm: Tuyên bố không công nhận bà Hồ Thị S và ông Trần Quốc K là vợ chồng.

Về con chung: Bà S và ông K có 01 con chung là Trần Thiên L, sinh ngày 22/6/2000. Hiện nay con đã đủ 18 tuổi thành niên, ông bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Bà S và ông K không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí: Bà Hồ Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của bà Hồ Thị S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị S và ông Trần Quốc K là tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 cho đến nay, nhưng không được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định tại điều 9 Luật hôn nhân và gia

đình. Vì vậy, hôn nhân này không được pháp luật ghi nhận. Nay bà S yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào khoản 2 Điều 53, điều 14 Luật hôn nhân và gia đình thì cần tuyên bố bà Hồ Thị S và ông Trần Quốc K không phải là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Hồ Thị S và ông Trần Quốc K có 01 con chung là Trần Thiên L, sinh ngày 22/6/2000. Hiện naycon đã thành niên, tự lập trong cuộc sống nên bà S và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản: Bà Hồ Thị S và ông Trần Quốc K không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Bà Hồ Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 146 và Điều 147, 205 của BLTTDS; Điều 9, 14, 15, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố bà Hồ Thị S và ông Trần Quốc K không phải là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004323 ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- UBND xã M.
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Sỹ Mạnh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh;
- UBND xã Quỳnh Lâm;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

Hồ Sỹ Mạnh